

Task 2. Memorise the story.

First, the poor girl went to the forest. Then she met an old man.

Next, he gave her three wishes. In the end, she married a prince.

3)

Mark the sentence intonation (↗). Then say the sentences aloud.

- | | |
|--|--|
| 1. What happened in the story? ↗ | - happen/happened [v/v2] diễn ra, xảy ra |
| 2. First, she went to her grandmother's house. ↗ | - go/went [v/v2] đi |
| 3. Then the wolf ran to the house. ↗ | - wolf/wolves [c.n] con sói |
| 4. Next, the wolf jumped out of the bed. ↗ | - run/ran [v/v2] chạy |
| 5. In the end, the hunter killed the wolf. ↗ | - jump/jumped [v/v2] nhảy |
| | - jump out of something [v] nhảy ra khỏi cái gì đó |
| | - hunter(s) [c.n] thợ săn |
| | - kill/killed [v/v2] giết, diệt, làm tiêu tan |

4)

Read and match. Then say the sentences aloud.

- | | | |
|----------------|--|--|
| 1. First, | a. the fox asked, "Can you sing?". | - crow(s) [c.n] con quạ |
| 2. Then | b. the crow opened his beak to sing and dropped his piece of meat. | - be/was [v/v2] là, thì... |
| 3. Next, | c. the fox ate the meat and ran away. | - roof(s) [c.n] mái, nóc |
| 4. In the end, | d. the crow was on the roof of the house with a piece of meat in his beak. | - piece(s) [c.n] miếng, mẩu, cục |
| | | - a piece of something [n.p] một miếng gì đó |
| | | - beak(s) [c.n] mỏ |
| | | - ask/asked [v/v2] hỏi |
| | | - open/opened [v/v2] mở, ngỏ, thông |
| | | - to [inf.m] để |
| | | - drop/dropped [v/v2] làm rơi, rơi |
| | | - eat/ate [v/v2] ăn |
| | | - run/ran [v/v2] chạy |
| | | - away [adv] xa, xa cách, xa ra |
| | | - run away [v] chạy đi, chạy đi xa |

5)

Mark the sentence intonation. Read the sentences aloud.

First, ↘ the fast hare challenged the slow tortoise to race.↗

Then ↘ they began to race in the forest.↗

Next, ↘ the fast hare took a rest on the way.↗

In the end, ↘ the slow tortoise won the race.↗

- fast [adj] nhanh nhẹn
- hare(s) [c.n] thỏ rừng
- slow [adj] chậm, chậm chạp
- tortoise(s) [c.n] con rùa cạn
- challenge/challenged [v/v2] thách, thách thức
- challenge somebody to do something [v] thách ai đó làm gì đó
- race [v] chạy đua
- begin/began [v/v2] bắt đầu
- begin to do something [v] bắt đầu làm gì đó
- forest(s) [c.n] rừng
- take/took [v/v2] làm, lấy, bắt
- take something [v] làm việc gì đó
- rest(s) [u/c.n] sự nghỉ ngơi
- take a rest [v] nghỉ ngơi
- win/won [v/v2] thắng, chiến thắng

6)

Look and complete the story. Then read it aloud.

thanked begged net caught

What happened in the story?



1. First, the lion _____ a mouse, but he let the mouse go.
2. Then one day, the lion got caught in a hunter's _____.
3. Next, the mouse ran by. The lion _____ her to help him.
4. In the end, the lion got out of the net. He _____ the mouse for helping him.

- thank/thanked [v/v2] cảm ơn
- thank somebody for doing something [v] cảm ơn ai đó vì đã làm gì đó
- beg/begged [v/v2] cầu xin
- beg somebody to do something [v] cầu xin ai đó làm gì đó
- net(s) [c.n] lưới
- catch/caught [v/v2] bắt, tóm, chụp, bắt kịp
- let/let [v/v2] để cho, cho phép
- let somebody do something [v] để cho/cho phép ai đó làm gì đó
- get/got [v/v2] (động từ nối)
- get + tính từ [v] trở nên như thế nào đó
- caught [adj] bị bắt
- get caught [v] bị bắt
- hunter(s) [c.n] thợ săn
- run/ran [v/v2] chạy
- by [adv] qua
- get/got [v/v2] đi, nhận, lấy, mua, hiểu
- get out of something [v] ra khỏi cái gì đó

Play the role.

Act as... B:

A:

A: What happened in the story?

B: First, King Hung ordered Mai An Tiem and his family to live on an island. The island was very far away.

Then one day, An Tiem found some black seeds and he grew them. The seeds gave watermelons. Next, An Tiem's family exchanged the watermelons for food and drink.

In the end, King Hung heard about the story and he let An Tiem and his family go back home.



- order/ordered [v/v2] ra lệnh, gọi, đặt
- ordered somebody to do something [v] ra lệnh cho ai đó làm gì đó.
- far away [adj.p] xa, xa xôi
- find/found [v/v2] thấy, tìm thấy, nhận thấy
- seed(s) [c.n] hạt, hạt giống
- grow/grew [v/v2] gieo, trồng, lớn lên
- exchange/exchanged [v/v2] trao đổi
- exchange something for something [v] đổi cái gì đó lấy cái gì đó
- lucky [adj] may mắn
- ...right? ...đúng không? ...phải không?
- hear/heard [v/v2] nghe
- let/let [v/v2] cho phép, để cho
- let somebody do something [v] cho phép ai đó làm gì đó

Play the role.

Act as... Phong:

Linda:

a

We have a Vietnamese story about watermelons called The Story of Mai An Tiem.

Watermelons are so delicious.

Oh, really? What happened in the story?

b

First, King Hung ordered Mai An Tiem and his family to live on an island. The island was very far away.

Then one day, An Tiem found some black seeds and he grew them. The seeds gave watermelons.

c

Next, An Tiem's family exchanged the watermelons for food and drink.

d

Oh, they were lucky in the end, right?

In the end, King Hung heard about the story and he let An Tiem and his family go back home.

- so [adv] rất, cực kỳ
- delicious [adj] ngon
- called [v3] được gọi là
- Really? Thật à?
- happen/happened [v/v2] diễn ra, xảy ra
- order/ordered [v/v2] ra lệnh, gọi, đặt
- ordered somebody to do something [v] ra lệnh cho ai đó làm gì đó.
- far away [adj,p] xa, xa xôi
- find/found [v/v2] thấy, tìm thấy, nhận thấy
- seed(s) [c.n] hạt, hạt giống
- grow/grew [v/v2] gieo, trồng, lớn lên
- exchange/exchanged [v/v2] trao đổi
- exchange something for something [v] đổi cái gì đó lấy cái gì đó
- lucky [adj] may mắn
- ...right? ...đúng không? ...phải không?
- hear/heard [v/v2] nghe
- let/let [v/v2] cho phép, để cho
- let somebody do something [v] cho phép ai đó làm gì đó

Task 1. Listen and number.

a b c d d

Task 2. Memorise the story.

Once upon a time, there was a beautiful princess. She lived in a very big castle. She was unhappy because she couldn't walk. One day, a prince visited the castle and met the princess. He wanted to help her. He gave her an apple and said, "This magic apple can make you walk." The princess ate the apple. Then the next morning, the princess woke up. She was so surprised because she could walk! She felt very happy. She ran and danced in the castle. In the end, the prince and the princess got married and they lived happily ever after.

- once trước kia, xưa kia
- upon (=on) lúc, vào lúc
- a time một khoảng thời gian
- once upon a time ngày xưa ngày xưa
- There was + danh từ số ít. Có...
- live/lived [v/v2] sống
- castle(s) lâu đài
- unhappy không vui, không hạnh phúc
- can/could có thể
- can't/couldn't không thể
- walk [v] đi, đi bộ
- visit/visited [v/v2] ghé thăm, tham quan
- meet/met [v/v2] gặp, họp
- want/wanted [v/v2] muốn
- want to do something muốn làm gì đó
- say/said [v/v2] nói
- this + danh từ số ítnày
- magic thần kỳ, có phép thuật
- make somebody do something khiến/làm ai đó làm gì đó

- eat/ate [v/v2] ăn
- the đó, này
- wake/woke [v/v2] thức dậy
- wake up thức dậy
- surprised ngạc nhiên
- feel/felt [v/v2] thấy, cảm thấy
- married được cưới, được kết hôn
- get/got [v/v2] có, được
- get married cưới, kết hôn
- happily một cách hạnh phúc, một cách vui vẻ
- ever mãi mãi, liên tục, bao giờ
- after sau đó
- ever after mãi mãi về sau

Read and complete.

in the end apple got up legs princess

Many years ago, there was a very beautiful (1)_____ who lived in a castle. The princess had a problem with her (2)_____ and couldn't walk. One day, a prince visited the castle and met the beautiful princess. He gave her an (3)_____ and said, "This magic apple can make you walk!" The princess was very happy. She ate the apple. Then the next morning, she (4)_____ and was so surprised because she could walk and run and dance. (5)_____, the prince and the princess got married and lived happily ever after.

- ago [adv] đã qua
- many years ago
= once upon a time [n.p]
ngày xưa ngày xưa
- problem(s) [c.n] vấn đề